Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8534.00.20

Mã HS	8534.00.20
Mô tả hàng hóa	Mạch in / - Hai mặt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 18:19:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85340020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15742
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15742
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15742
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15076
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15008
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15008
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15008
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15008
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15008
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15008
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15062
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15062
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15062

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15062
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15062
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15062
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15063
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15063
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15063
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15063
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15063
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15063
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15066
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15014
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15022
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15022
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15022
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15022
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15022
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15022
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15062
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15062
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15062
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15062
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15062
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15062
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15117
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15117
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15117

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15117
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15117
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15117
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15096
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15096
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15096
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15096
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15096
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15096
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15094
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15094
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15094
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15094
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15094
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15094
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15100
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15100
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15100
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15100
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15100
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15100
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15099
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15099
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15099
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15099
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15099

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15099
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15092
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15092
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15092
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15092
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15092
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15092
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15092
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15087
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15087
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15087
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15087
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15087
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15087
RCEP B	2022	2022	0	B!D15087
RCEP B	2023	2023	0	B!E15087
RCEP B	2024	2024	0	B!F15087
RCEP B	2025	2025	0	B!G15087
RCEP B	2026	2026	0	B!H15087
RCEP B	2027	2027	0	B!I15087
RCEP C	2022	2022	0	C!D15087
RCEP C	2023	2023	0	C!E15087
RCEP C	2024	2024	0	C!F15087
RCEP C	2025	2025	0	C!G15087
RCEP C	2026	2026	0	C!H15087
RCEP C	2027	2027	0	C!I15087

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15086
RCEP D	2023	2023	0	D!E15086
RCEP D	2024	2024	0	D!F15086
RCEP D	2025	2025	0	D!G15086
RCEP D	2026	2026	0	D!H15086
RCEP D	2027	2027	0	D!I15086
RCEP E	2022	2022	0	E!D15090
RCEP E	2023	2023	0	E!E15090
RCEP E	2024	2024	0	E!F15090
RCEP E	2025	2025	0	E!G15090
RCEP E	2026	2026	0	E!H15090
RCEP E	2027	2027	0	E!I15090
RCEP F	2022	2022	0	F!D15087
RCEP F	2023	2023	0	F!E15087
RCEP F	2024	2024	0	F!F15087
RCEP F	2025	2025	0	F!G15087
RCEP F	2026	2026	0	F!H15087
RCEP F	2027	2027	0	F!I15087
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14056
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14056
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14056
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14056

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8534.00 có 4 dòng thuế; dòng 8534.00.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hai mặt.	8534.00.10 Một mặt; 8534.00.30 Nhiều lớp; 8534.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8534.00.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8534.00.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15742), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.